

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10/3/2023

V/v Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Khen

Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 579/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Quế T**, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số 104, ấp A, xã B, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh **Võ Minh T1**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 216A/18 ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quế T trình bày:

Qua quen biết chị T và anh Võ Minh T1 có tiền đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 54, ngày 28/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh T1 thường hay hành hạ chị T cả về thể xác lẫn tinh thần. Chị T phát hiện mình mang thai được 02 tháng nhưng anh T1 bắt buộc chị phải phá thai. Trong khi chị đang vô cùng đau đớn vì di chứng phá thai nhưng anh T1 vẫn không quan tâm mà còn mắng chửi chị. Từ tháng 5/2022 chị T đã ly thân với anh T1, từ lúc ly thân đến nay anh T1 cũng không thay đổi tính tình hay muốn hàn gắn hôn nhân với chị.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Minh T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Võ Quốc T, sinh ngày 30/6/2021. Hiện cháu T đang sống với cha. Trước đây anh chị có gởi cháu T cho mẹ ruột của chị T chăm sóc vì anh chị phải đi làm ăn xa. Đến tháng 5/2022 chị T và anh T1 thống nhất đưa cháu T về cho mẹ ruột của anh T1 chăm sóc vì anh T1 xảy ra mâu thuẫn với mẹ chị T nên mẹ chị không tiếp tục chăm sóc cháu nữa. Từ lúc cháu T về nội đến nay chị có điện thoại hỏi thăm con, những lần sau anh T1 không cho chị điện thoại vì nói rằng con nhớ nên khóc, chỉ khi nào anh T1 điện thoại thì chị mới được gặp con. Lần chị T gặp con gần đây nhất là vào tháng 10/2022 nhưng mẹ chồng ngăn cản không cho chị ẵm con chị. Chị T đã có công việc ổn định là nhân viên của siêu thị Big C Quận 7 thành phố Hồ Chí Minh, lương tháng của chị khoảng 8.000.000 đồng nên đủ điều kiện chăm sóc con.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Quốc T vì cháu T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên chị yêu cầu được nuôi con. Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Minh T1 trình bày:* Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về việc anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng nảy sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, anh T1 cũng không còn tình cảm với chị T và cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ này. Nay đối với yêu cầu của chị T thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Quế T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Võ Quốc T, sinh ngày 30/6/2021. Hiện cháu T đang sống với gia đình anh. Khi ly hôn anh T1 yêu cầu được nuôi cháu T. Lý do vợ anh sức khỏe rất yếu, có bệnh nền về thần kinh nên không đủ điều kiện chăm sóc con. Hơn nữa chị T không có công việc ổn định, không thể lo cho con được. Còn anh hiện đang đi làm thợ bạc cho Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tiệm vàng Kim Khánh tại Trà Ôn gần 10 năm, có thu nhập ổn định, lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Khi cháu T sinh ra vợ chồng anh có gởi cho bà ngoại chăm sóc và anh có trợ cấp tiền nuôi cháu mỗi tháng là 2.000.000

đồng, thời gian cháu ở bên ngoại được 11 tháng, đến tháng 4/2022 bà ngoại đòi tăng tiền lên nhưng anh không đáp ứng được nên bà ngoại không chăm sóc cháu T nữa. Đầu tháng 5/2022 vợ chồng anh thống nhất đưa con gởi về bên nội chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến nay. Từ lúc về bên nội cháu phát triển về thể chất lẫn tinh thần rất tốt. Khu vực gia đình anh hiện đang sinh sống là một nơi phát triển, có đầy đủ điều kiện phát triển cho cháu T. Anh cũng đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên anh T1 xin được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Quế T trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T1; Về con chung: Chị thống nhất giao con chung là cháu Võ Quốc T cho anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh T1 có tài sản chung là 01 cây vàng 24K là vàng cưới và 05 chỉ vàng 24K là vàng hồi môn của mẹ ruột chị cho chị. Nay chị yêu cầu chia đôi số vàng cưới và chị được nhận lại 05 chỉ vàng 24K là vàng hồi môn của mẹ ruột cho chị; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Minh T1 trình bày: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Võ Quốc T, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị T là hai vợ chồng có tài sản chung là 01 cây vàng 24K là vàng cưới và 05 chỉ vàng 24K là vàng hồi môn của mẹ ruột chị T cho chị. Tuy nhiên số vàng này hai vợ chồng đã bán để tiêu xài cá nhân nên nay chị T yêu cầu chia tài sản chung thì anh T1 không đồng ý; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Áp dụng Khoản 4 Điều 147, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quế T và anh Võ Minh T1.

Về con chung: Giao cháu Võ Quốc T, sinh ngày 30/6/2021 cho anh Võ Minh T1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Quế T nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Quế T và anh Võ Minh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 54, ngày 28/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cần Đức, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Chị T trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh T1 cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Hai người đã ly thân từ năm 2022, quá trình xác minh chính quyền địa phương cũng không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vì từ trước đến nay anh T1 và chị T không có trình báo chính quyền địa phương cũng như yêu cầu hòa giải hôn nhân.

Xét thấy trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đến nay chị T và anh T1 không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, chị T và anh T1 đều xác định không còn tình cảm với nhau, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, điều này thể hiện chị T và anh T1 đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 cũng thống nhất theo yêu cầu xin ly hôn của chị T. Căn cứ theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quế T và anh Võ Minh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Võ Quốc T, sinh ngày 30/6/2021. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con chung, cả hai đều yêu thương con, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào*

quyền lợi về mọi mặt của con”. Xét thấy cháu T đã về chung sống với anh T1 từ tháng 5/2022 đến nay. Hiện cháu T có trạng thái sức khỏe tốt, tinh thần ổn định, phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Tại phiên tòa hôm nay chị T đồng ý giao cháu T cho anh T1 chăm sóc, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T, giao cháu T cho anh T1 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh T1 có tài sản chung là 01 cây vàng 24K là vàng cưới và 05 chỉ vàng 24K là vàng hồi môn của mẹ ruột chị cho chị. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị không có yêu cầu gì đối với tài sản chung này đồng thời tại phiên tòa hôm nay chị T cũng đồng ý rút lại yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị Quế T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quế T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quế T và anh Võ Minh T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Quốc T, sinh ngày 30/6/2021 cho anh Võ Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị Quế T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Võ Minh T1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Quế T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Quế T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004416 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cần Đước, tỉnh Long An: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Mai Ka